TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2026/LĐ -ST
Ngày 06-5-2026
V/v "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lài;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thuỳ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 07/2025/TLST-LĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2026/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Lê Thị A**, sinh năm 1987; Căn cước công dân số 072187011840, cấp ngày 28/6/2021; địa chỉ: số nhà 08, hẻm 106, tổ 35, khu phố A1, phường A2, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. **Công ty TNHH V**; địa chỉ: khu phố V1, phường A2, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt không lý do.

2. Bà **Lê Thị Kim B**, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 072191005191, cấp ngày 15/4/2021; địa chỉ: tổ 3, khu phố B1, phường A2, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm xã hội cơ sở D – Tây Ninh**; địa chỉ: Số 1, đường D1, khu phố D2, xã D3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 11 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lê Thị A trình bày:

Do trước đây hoàn cảnh gia đình bà gặp khó khăn và không am hiểu pháp luật, nên bà có cho em bà là bà Lê Thị Kim B mượn Giấy chứng minh nhân dân của bà để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH V (sau đây viết tắt Công ty V) từ tháng 9/2006 nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là Lê Thị A (vì bà B tại thời điểm này chưa đủ tuổi lao động), bà B làm công nhân tại Công ty V đến tháng 3/2008 thì nghỉ việc, bà B đã hưởng chế độ bảo hiểm 01 lần theo quy định, Sổ bảo hiểm số 4507019445.

Vào tháng 12/2005, bà cũng sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà để ký hợp đồng lao động với Công ty V, làm việc tại Công ty V đến tháng 01/2008 thì nghỉ việc, đã hưởng chế độ bảo hiểm 01 lần theo quy định, Sổ bảo hiểm số 4507005433. Sau đó, vào năm 2009 bà có ký hợp đồng lao động với Công ty V, làm việc đến tháng 6/2024 thì nghỉ việc, thời gian làm việc 13 năm 10 tháng. Nay bà tiến hành làm hồ sơ nhận tiền bảo hiểm 01 lần thì Bảo hiểm xã hội huyện E (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở D – Tây Ninh) thông báo với bà theo Thông báo số 86/BHXH-BHXH-CT ngày 04/9/2025 nói rằng từ tháng 9/2006 đến tháng 01/2008 Lê Thị A có 02 sổ bảo hiểm số 45070058433 và 4507019445 nên cơ quan bảo hiểm không chi trả tiền cho bà được. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao đồng của bà Lê Thị Kim B (nhưng trên hợp đồng ghi tên Lê Thị A) và Công ty V từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2008 là vô hiệu, điều chỉnh Sổ Bảo hiểm xã hội số 4507019445, cấp cho Lê Thị A từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2008 thành tên Lê Thị Kim B. Bà xác định đối với số tiền bảo hiểm mà bà B đã nhận theo Sổ bảo hiểm số 4507019445 thì bà không tranh chấp gì đối với số tiền này, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án – bị đơn Công ty TNHH V đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần theo quy định nhưng công ty không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc.

Bị đơn – bà Lê Thị Kim B trình bày: bà là em ruột của bà Lê Thị A, do trước đây hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn và không am hiểu pháp luật, nên bà có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Lê Thị A số 2908477742 để ký hợp đồng lao động với Công ty V vào tháng 09/2006 với tên Lê Thị A (vì lúc này bà chưa đủ tuổi lao động), làm công nhân tại Công ty V đến khoảng năm 2006 thì nghỉ việc, bà đã hưởng chế độ bảo hiểm 01 lần theo quy định, Sổ bảo hiểm số 4507019445, đã nhận đủ tiền bảo hiểm. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà A thì bà đồng ý, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội cơ sở D – Tây Ninh trình bày:

Tại Văn bản số 101/BHXH-BHXHCS-DMC ngày 25/03/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở D thể hiện căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và dữ liệu chi trả chính sách Bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH), bảo hiểm y tế (viết tắt là BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (viết tắt là BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (viết tắt là BHTNLĐ, BNN), BHXH cơ sở D cung cấp các thông tin về thời

gian đóng BHXH, BHTN của bà Lê Thị A trên mã số BHXH 4507019445 từ tháng 09/2006 đến tháng 03/2008 tại Công ty TNHH V, địa chỉ: V1, A2, E, Tây Ninh (địa chỉ hiện nay: Phường A2, tỉnh Tây Ninh). BHXH cơ sở D tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH đến ngày 25/03/2026 bà Lê Thị A đã hưởng chế độ BHXH 1 lần của thời gian đóng BHXH nêu trên (theo quyết định số 2348/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 28/03/2009).

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký Hợp đồng lao động, Hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện Công văn 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động; căn cứ vào hồ sơ của TAND khu vực 10 – Tây Ninh cung cấp, BHXH cơ sở D thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của TAND tỉnh Long An (cũ).

BHXH cơ sở D với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của TAND khu vực 10 – Tây Ninh đối với vụ án trên.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 122, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Lê Thị Kim B (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên Lê Thị A) và Công ty TNHH V từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2008 là vô hiệu. Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 4507019445 cấp cho bà Lê Thị A do Công ty TNHH V nộp từ tháng tháng 9/2006 đến tháng 03/2008 tại Bảo hiểm xã hội cơ sở E (nay là Bảo hiểm cơ sở D) thành tên Lê Thị Kim B. Về án phí: ghi nhận bà Lê Thị A tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Kim B (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên Lê Thị A) và Công ty TNHH V trong thời gian làm việc từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2008 là vô hiệu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan

hệ pháp luật là "Tranh chấp về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 04/9/2025 bà Lê Thị A nhận được Văn bản số 86/BHXH-BHXH-CT của Bảo hiểm xã hội cơ sở E (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở D) cung cấp thông tin có 02 sổ bảo hiểm số 4507005433 và 4507019445 mang tên Lê Thị A do đó xác định thời điểm bà A nhận biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là từ ngày 04/9/2025. Ngày 25/11/2025, bà A khởi kiện nên còn thời hiệu khởi kiện theo khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019.

[3]. Về xét xử vắng mặt các đương sự: nguyên đơn – bà Lê Thị A, bị đơn – bà Lê Thị Kim B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội cơ sở D vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn - Công ty V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Quá trình giải quyết vụ án, bà A và bà B đều thừa nhận từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2008, bà A đã cho bà B mượn chứng minh nhân dân để bà B ký hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH V, địa chỉ: V1, A2, E, Tây Ninh (địa chỉ hiện nay: Phường A2, tỉnh Tây Ninh), do thời điểm này bà B chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động, gia đình khó khăn và không hiểu biết pháp luật. Trong thời gian này, bà B đã ký hợp đồng lao động mang tên bà Lê Thị A và được cấp Sổ bảo hiểm xã hội mang tên Lê Thị A mã số **4507019445** và đã hưởng chế độ bảo hiểm 01 lần theo quy định.

Vào tháng 12/2005, bà A cũng sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà A để ký hợp đồng lao đồng với Công ty V và được cấp Sổ bảo hiểm số **4507005433**, đến tháng 01/2008 bà A nghỉ việc. Sau đó, vào năm 2009 bà A ký hợp đồng lao động với Công ty V, tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm số 4507005433 làm việc đến tháng 6/2024 thì nghỉ việc.

Tại Văn bản số 101/BHXH-BHXHCS-DMC ngày 25/03/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở D cung cấp thông tin căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và dữ liệu chi trả chính sách Bảo hiểm xã hội, Lê Thị A trên mã số BHXH 4507019445 từ tháng 09/2006 đến tháng 03/2008 tại Công ty V đã hưởng chế độ BHXH 1 lần của thời gian đóng BHXH nêu trên (theo quyết định số 2348/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 28/03/2009).

Theo quy định của Bộ luật Lao động, việc giao kết hợp đồng lao động phải tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, trung thực, thiện chí và đúng chủ thể. Bà B đã sử dụng giấy tờ cá nhân của bà A để giao kết hợp đồng lao động với Công ty V. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc trung thực và nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Trường hợp này thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP

ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

Theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2015, giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện, trong đó chủ thể phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi phù hợp, đồng thời việc tham gia giao dịch phải hoàn toàn tự nguyện, trung thực. Ngoài ra, theo Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu khi toàn bộ nội dung hợp đồng vi phạm pháp luật hoặc được giao kết không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng.

Trong vụ án này, hợp đồng lao động được ký kết không đúng người thực tế lao động, làm phát sinh hậu quả pháp lý là việc đóng bảo hiểm xã hội bị trùng thời gian, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Lê Thị A. Nên bà A khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Kim B (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên Lê Thị A) và Công ty TNHH V trong thời gian từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2008 vô hiệu là có cơ sở.

[4.2] Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bà A và bà B xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, không yêu cầu bồi thường thiệt hại và các đương sự không có tranh chấp gì khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nội dung này.

Đối với yêu cầu của bà A điều chỉnh Sổ Bảo hiểm xã hội số 4507019445, cấp cho Lê Thị A từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2008 thành tên Lê Thị Kim B. Thấy rằng, theo xác nhận của Bảo hiểm xã hội thì từ tháng 9/2006 đến tháng 03/2008 Lê Thị A có tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số 4507019445 tại Công ty TNHH V. Tuy nhiên, quan hệ lao động này đã bị vô hiệu theo nhận định trên, nên cần điều chỉnh lại thông tin tham gia bảo hiểm xã hội cho đúng người thực tế lao động để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho đương sự.

[4.3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Kim B (nhưng trên hợp đồng ghi tên Lê Thị A) và Công ty TNHH V từ tháng 9/2006 đến tháng 03/2008 là vô hiệu; Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 4507019445 cấp cho bà Lê Thị A do Công ty TNHH V nộp từ tháng tháng 9/2006 đến tháng 03/2008 tại Bảo hiểm xã hội cơ sở E (nay là Bảo hiểm cơ sở D) thành tên Lê Thị Kim B.

Bà Lê Thị A được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Lê Thị A với Công ty TNHH V.

[5]. Về án phí sơ thẩm: ghi nhận bà Lê Thị A tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều

51 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A đối với Công ty TNHH V và bà Lê Thị Kim B.

Tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Lê Thị Kim B (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên Lê Thị A) và Công ty TNHH V từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2008 là vô hiệu.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 4507019445 cấp cho bà Lê Thị A do Công ty TNHH V nộp từ tháng tháng 9/2006 đến tháng 03/2008 tại Bảo hiểm xã hội cơ sở E (nay là Bảo hiểm cơ sở D) thành tên Lê Thị Kim B.

2. Về án phí sơ thẩm: Ghi nhận bà Lê Thị A tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo Biên lai thu số 0009394 ngày 05/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ghi nhận đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 10 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Hòa